

KỸ NĂNG VIẾT TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Nguyễn Đức Lộc

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Email: locnd@soiallife.vn

Bài 2: NHÂN HỌC DIỄN GIẢI

Từ chú giải học đến nhân học diễn giải

Chú giải học hay giải thích học (*Hermenéia*):

1. Xuất phát từ **động từ** trong tiếng Hy Lạp : *Hermeneuein* → tiếng nói (# phát âm, tiếng kêu)

→ động từ *Herméneuein* hàm ý nghĩa nói, diễn tả tư tưởng. Đây là hai động tác quan trọng để hình thành căn tính con người

2. Danh từ *Hermenéia* (tiếng Latinh: interpretation, có nghĩa là giải thích)

→ Danh từ *Hermenéia* hàm ý đến những ý tưởng phong phú tiềm ẩn trong văn bản

3. Gốc từ *Hermenéia* xuất phát từ tên nhân vật *Hermes*, sứ giả của các vị thần trong thần thoại Hy Lạp. Nhân vật này có sứ mạng truyền lại con người biết những phát quyết và dự án của các vị thần linh. Hermes trở thành trung gian giữa thế giới thần linh và con người, giúp xóa đi hố sâu ngăn cách giữa thế giới thần linh và con người khả tử.

Như vậy, giải thích học, hay chú giải học không đơn thuần là những kỹ thuật mang tính máy móc về mặt phân tích văn bản mà là lời mời gọi đi vào hành trình khám phá (sự hiểu) thế giới luôn rộng mở.

Và như thế nó được xem là *Nghệ thuật chú giải văn bản*.

Văn bản hay bản văn:

- Khi nói tới văn bản là nói tới ***bản văn được ghi chép bằng chữ viết***
- Nhưng bản văn không chỉ là tổng thể của những câu từ vô hồn ráp lại mà tổng thể các chữ viết, câu văn ăn khớp với nhau để ***truyền tải một nội dung***.
- Bản văn theo chữ Latinh là *textus*, có gốc từ động từ *texere* với nghĩa là dệt, nối kết. Tương tự một tấm thảm, cần có nhiều sợi chỉ để dệt tác phẩm nghệ thuật, cũng vậy một văn bản được ghi chép từ nhiều câu văn. Điều thú vị là dù chỉ là những câu từ ghép lại với nhau những lại tạo ra muôn vàn sắc thái văn bản khác nhau với những thông điệp khác nhau.

Đọc văn bản: tức là giải thích, chú giải văn bản, đi đến sự hiểu văn bản, hiểu thông điệp truyền tải của văn bản.

- Truyền thống chú giải thần học Ki tô giáo xem Thánh Kinh là văn bản, là Lời của Thiên Chúa nói với con người (Mặc Khải)
- Càng về sau khái niệm văn bản càng được mở rộng sang các lĩnh vực khác như: Thiên văn học, Thế giới tự nhiên, Đời sống xã hội, đời sống con người..)

Độc văn bản tức là sự giao thoa/gặp gỡ giữa hai thế giới:

- Thế giới của văn bản
- Thế giới của người đọc

Paul Ricoeur đề xướng một cách đọc một văn bản theo các bước:

- Bắt chước
- Nhập vai lại
- Được biến đổi

Paul Ricoeur đã dựa vào phương pháp của Aristote, khi cho rằng mỗi câu chuyện phải có *tình tiết* với các cách tổ chức ngôn từ, nhờ vậy câu chuyện mới được hình thành. Trong *tình tiết* ấy có những điều được “nói” (hiển hiện ra bên ngoài) và có nhiều điều “chưa nói” (cái tiềm ẩn bên trong).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Từ những năm 60-70 của thế kỷ XX, việc tìm hiểu văn hóa của các cộng đồng người thông qua biểu tượng trở nên phổ biến trong lĩnh vực nhân học văn hóa (McGee & Warms 2008:482).

Cách tiếp cận biểu tượng dựa trên giả định cho rằng hành động của con người có mang ý nghĩa và phân tích ý nghĩa là trọng tâm của nhân học. Do xem văn hóa là một hiện tượng tinh thần nên các nhà nhân học biểu tượng phản bác quan niệm nghiên cứu văn hóa dựa theo mô hình toán học hoặc logic học của các nhà dân tộc phân loại học hay các nhà nhân học nhận thức (McGee & Warms 2008:482).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Và tiếp cận biểu tượng cũng là một sự phản ứng với thuyết lựa chọn duy lý cũng như thuyết duy vật (Lương Văn Hy 2011) vốn phổ biến ở nhiều ngành trong những thế kỷ trước đó.

Cách tiếp cận biểu tượng gồm nhiều khuynh hướng, trong đó hai hướng phân tích nổi trội là *khуynh hướng diễn giải* và *khуynh hướng tiếp cận cấu trúc chức năng* (McGee & Warms 2008:482; Ortner 1984:128)

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

1. KHUYNH HƯỚNG DIỄN GIẢI

Đại diện cho khuynh hướng diễn giải trong cách tiếp cận biểu tượng là Clifford Geertz (1926- 2006).

Theo tinh thần chung của cách tiếp cận này, Geertz xem việc khảo sát ý nghĩa là trọng tâm của những công trình nghiên cứu văn hóa.

Luận điểm quan trọng của ông là xem văn hóa như “một tập hợp các bản văn”.

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Nhiều học giả cho rằng Geertz kế thừa một số ý tưởng từ Max Weber (Ortner 1984:128, McGee & Warms 2008:482, Keyes 2002:237). Chính Geertz cũng từng phát biểu:

“Nhu Max Weber, với niềm tin con người là một động vật bị treo lơ lửng trên những mạng lưới ý nghĩa do mình giăng ra, tôi hiểu văn hóa chính là những mạng lưới đó, và vì vậy việc phân tích văn hóa không phải là một khoa học thực nghiệm tìm kiếm quy luật, mà là một khoa học lý giải ý nghĩa” (1973a:5)

Trong tiểu luận *Đam mê cờ bạc – Những ghi chép về chọi gà ở Bali* (*Deep play: Notes in the Balinese Cockfight*), Geertz viết rằng:

“Nếu người nào đó xem đá gà, hay bất kỳ cấu trúc biểu tượng ổn định chung nào như là phương tiện cho việc “nói điều nào đó về thứ gì đó” (dẫn lại câu ngạn ngữ nổi tiếng của Aristotle), thì người đó đối mặt với một vấn đề không phải trong guồng máy xã hội mà là ngữ nghĩa xã hội. Đối với nhà nhân học vốn có sự quan tâm đến các nguyên tắc xã hội được công thức hóa, thì vấn đề không phải là khuyến khích hay khen ngợi đá gà, mà là người đó có thể học được gì về những nguyên tắc từ việc khảo sát văn hóa như là một sự tập hợp các bản văn?” (1973c:448)

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Văn hóa – vấn đề ngữ nghĩa xã hội mà Geertz đề cập – có liên quan chặt chẽ đến biểu tượng.

Với ông, biểu tượng là phương tiện thể hiện và trao truyền văn hóa, nói khác đi là thể hiện và trao truyền những khuôn mẫu của ý nghĩa (pattern of meanings).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Nhờ vào phương tiện này, con người có thể giao tiếp với nhau, ghi nhớ và phát triển kiến thức của mình về cuộc sống, đồng thời hình thành những thái độ trước cuộc sống (1973b:89).

“Không có gì quan trọng hơn việc hiểu nhân học diễn giải là gì và mức độ diễn giải thế nào, thay vì hiểu chính xác nó có ý nghĩa cũng như không có ý nghĩa gì, [điều này] để nói rằng những giải thích của chúng ta về các hệ thống biểu tượng của những người khác phải được chính những tác nhân ấy dẫn dắt” (1973a:14)

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Với Geertz, việc đem những kinh nghiệm cảm thụ cuộc sống hằng ngày đặt vào các trận đá gà đã biến các trận đấu này không còn là những trò chơi trong cuộc sống, thay vào đó chúng được “tái nối kết” (reconnected) với cuộc sống dưới hình thức mà ta có thể gọi là “sự kiện hình mẫu của con người” (paradigmatic human event). Đó là sự kiện cho ta biết nhiều hơn những gì đang diễn ra:

Việc người Bali lập đi lập lại trò đá gà làm nó thấm sâu vào họ và cho phép họ thấy được chiều kích chủ quan (dimension of subjectivity) của chính mình – một loại chủ quan tính được tổ chức (1973c:450-451). Với quan điểm cho rằng mỗi xã hội chứa đựng những cách diễn giải của riêng nó, nên theo Geertz, công việc của nhà nghiên cứu là phải học cách bước vào những cách diễn giải đó (1973c:453).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Theo Geertz, kỹ thuật mà ông sử dụng để phân tích biểu tượng là “miêu tả sâu” (thick description). Ông cho rằng văn hóa – mà phương tiện thể hiện và trao truyền là các biểu tượng – có nhiều lớp ý nghĩa (layers of meaning). Công việc miêu tả sâu là bóc tách tuần tự các lớp ý nghĩa này, như bóc các lớp vỏ của một củ hành tây, và sẽ không có một ý nghĩa nào đóng vai trò trung tâm. Nói một cách ví von, giống như củ hành tây là những lớp vỏ thì văn hóa là những ý nghĩa của chính nó (McGee & Warms 2008:483).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

2. KHUYNH HƯỚNG TIẾP CẬN CẤU TRÚC CHỨC NĂNG

Đại diện cho khuynh hướng tiếp cận cấu trúc chức năng khi khảo sát về biểu tượng trong nhân học là Victor Turner (1920-1983). Nếu Geertz thông qua biểu tượng để tìm hiểu văn hóa – vốn là thế mạnh của nhân học Mỹ, thì Turner xem biểu tượng là một cơ chế cho sự duy trì xã hội (maintenance of society) như là truyền thống của nhân học Anh (McGee & Warms 2008:483).

Và nếu Geertz cho rằng biểu tượng là phương tiện của văn hóa, mà văn hóa là đặc tính thống nhất (integrated ethos) và thế giới quan (worldview) của một xã hội thì Turner xem biểu tượng như là nhân tố điều khiển (operator) trong tiến trình xã hội (Ortner 1984:131).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Turner viết trong bài tiểu luận *Biểu tượng trong nghi lễ của người Ndembu* (*Symbols in Ndembu ritual*) như sau:

“Tôi nhận ra rằng mình không thể phân tích biểu tượng nghi lễ nếu không tìm hiểu chúng theo một chuỗi thời gian trong mối quan hệ với **“những sự kiện”** khác, vì về cơ bản các biểu tượng có liên quan đến tiến trình xã hội. Tôi từng xem những buổi trình diễn nghi lễ như là những giai đoạn khác nhau trong các tiến trình xã hội mà bởi đó, các nhóm người điều chỉnh những thay đổi bên trong và thích ứng với môi trường bên ngoài mình. Từ góc nhìn này, biểu tượng nghi lễ trở thành một nhân tố trong hành động xã hội, một sức mạnh tích cực trong phạm vi hoạt động” (1967:20)

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Turner cũng bắt đầu cách tiếp cận biểu tượng bằng sự khảo sát ý nghĩa. Nhưng khác với miêu tả sâu của Geertz, với Turner, nhà nghiên cứu cần thu thập ba lớp ý nghĩa khi khảo sát cấu trúc biểu tượng nghi lễ:

- một là hình thức bên ngoài và các đặc điểm quan sát được của biểu tượng,
- hai là các giải thích của các nhà chuyên môn và của người dân,
- và ba là những bối cảnh có ý nghĩa rộng lớn hơn được trình bày bởi nhà nhân học (1967:20).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Các lớp ý nghĩa này cần được đặt vào đúng lĩnh vực mà mục đích của biểu tượng nghi lễ hướng tới. Ở đây, nhà nghiên cứu cần xác định hoàn cảnh nào làm xuất hiện nghi lễ, liệu chúng có liên quan đến các hiện tượng thiên nhiên, sự phát triển của kinh tế, kỹ thuật, những khủng hoảng trong cuộc sống hay sự đứt gãy của xã hội không.

Sau cùng, nhà nghiên cứu cần nối kết những biểu hiện công khai với những ý nghĩa tiềm tàng để nhận ra các biểu tượng đã vận hành và duy trì cấu trúc xã hội thế nào

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Turner là một ví dụ hướng dẫn:

“Ví dụ như chúng ta có thể đánh giá những mối quan hệ độc lập và phụ thuộc giữa tổng thể xã hội và các thành phần của nó, những mối quan hệ giữa các kiểu thành phần [xã hội] khác nhau, và giữa những thành phần [xã hội] khác nhau có cùng một kiểu. Chúng ta có thể thấy thế nào là biểu tượng ưu trội tương đồng, [là biểu tượng] mà trong loại nghi lễ này nó đại diện cho một kiểu nhóm xã hội hay một nguyên tắc tổ chức, trong một loại nghi lễ khác nó đại diện cho một nhóm hay một nguyên tắc khác, và trong sự kết tụ các ý nghĩa của mình, nó đại diện cho tính thống nhất và liên tục của xã hội Ndembu theo nghĩa rộng nhất, bao hàm cả những mâu thuẫn của xã hội đó” (1967:46).

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Cách làm của Turner có vẻ chi tiết hơn so với của Geertz. Có thể suy ra giả định của quy trình này là biểu tượng vừa là công cụ và cũng là hiện thân của trật tự xã hội, một trật tự bao gồm cả sự hài hòa lẫn các mâu thuẫn.

Cùng khuynh hướng phân tích trên, Mary Douglas (1921-) trong tiểu luận *Các ranh giới bên ngoài (External boundaries)* đã xem xét cơ thể của con người trong vai trò là biểu tượng cho cấu trúc xã hội. Theo đó, những giới hạn và phân biệt giữa các đẳng cấp, nhóm người, giới tính được thể hiện và thực hiện trên cơ thể thể lý, bằng cách cung cấp cho các bộ phận của cơ thể những giá trị, quan niệm của thành phần xã hội mà cơ thể đó thuộc về

Nhân học diễn giải (interpretive anthropology) :

Mary Douglas viết:

“Thân thể là một mô hình có thể đại diện cho bất kỳ hệ thống bị giới hạn nào. Các ranh giới của cơ thể có thể tượng trưng cho bất kỳ ranh giới [của hệ thống] nào vốn bị đe dọa và không ổn định. Cơ thể là một cấu trúc phức tạp. Các chức năng của những bộ phận cơ thể khác nhau và mối quan hệ của những bộ phận ấy tạo ra một nguồn biểu tượng cho những cấu trúc phức tạp khác. Có lẽ chúng ta không thể lý giải những nghi lễ có liên quan đến các chất bài tiết, sữa người, nước bọt và những thứ khác nếu chúng ta không sẵn sàng để thấy trong cơ thể ấy một biểu tượng của xã hội, cũng như để thấy những sức mạnh và sự hiểm nguy từ việc cơ thể con người được thừa nhận như là một sự mô phỏng thu nhỏ của cấu trúc xã hội” (1966:156)

Bài đọc:

1. JAMES CLIFFORD, Về Tính Uy Quyền của Khảo tả Dân Tộc Học
2. Pierre Bourdieu, (Trần Hữu Quang dịch, 9-2002), *Ngôi nhà hay thế giới đảo ngược*. Phụ lục (Annexe): "La maison ou le monde renversé", trong cuốn *Le sens pratique* của Pierre Bourdieu, Paris, Éditions de Minuit, 1980, pp. 441-461. (Trang, Phong, Châu)

Bài tập

- Tìm hiểu các khuynh hướng diễn giải trong tác phẩm và quyền quy diễn giả của một nhà nghiên cứu đến đâu?